

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/DS-ST
Ngày 30-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Minh Thiệp.

Ông Đoàn Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hạnh N, sinh năm 1979.

Cư trú tại: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Bông Minh T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Bà Hồng Kiều L, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Hạnh N trình bày: Vào ngày 24 tháng 7 năm 2021 ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L có mượn của bà số tiền 1200.000.000 đồng, khi nhận tiền ông T, bà L có thể chấp cho bà 03 giấy chứng minh nhân dân, 02 bằng lái xe, 01 giấy chứng nhận tàu cá. Khi nhận tiền ông T, bà L hứa khi nào bà cần thì ông T, bà L sẽ trả tiền cho bà. Tuy nhiên, đến nay ông T, bà L chỉ mới trả cho bà 40.000.000 đồng, còn nợ lại bà số tiền 80.000.000 đồng. Bà đã trả cho ông T, bà L 03 giấy chứng minh nhân dân và 02 bằng lái xe và ông T, bà L có thể chấp lại 01 sổ hộ khẩu gia đình và hợp đồng mua bán tàu cá. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông

Bông Minh T và bà Hồng Kiều L trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho ông T, bà L một sổ hộ khẩu gia đình, một giấy chứng nhận tàu cá, một hợp đồng mua bán tàu cá.

- Bị đơn ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông T, bà L vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của bà Lê Thị Hạnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Hạnh N khởi kiện yêu cầu ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L trả tiền tiền vay. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L.

[3] Tại phiên tòa bà Lê Thị Hạnh N cho rằng ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L có vay của bà số tiền 120.000.000 đồng, đã trả được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 80.000.000 đồng, bà N yêu cầu ông T, bà L trả cho bà L số tiền 80.000.000 đồng. Đối với ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để hòa giải xét xử nhưng ông T, bà L không cung cấp lời khai cho Tòa án và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà N. Theo giấy giao kèo ngày 24 tháng 7 năm 2021 do bà N cung cấp có chữ ký của ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L thể hiện ông T, bà L có vay của bà N số tiền 120.000.000 đồng. Khi vay tiền ông T, bà L có thể chấp cho bà N 03 giấy chứng minh nhân dân và 02 bằng lái xe, một hợp đồng mua bán tàu cá và giấy chứng nhận tàu cá; sau đó bà N đã trả cho ông T, bà L 03 giấy chứng minh nhân dân và 02 bằng lái xe và ông T, bà L thế chấp lại cho bà N một sổ hộ khẩu do ông Bông Minh T đứng tên chủ hộ; hiện nay bà N đang giữ một giấy chứng nhận tàu cá, một hợp đồng mua bán tàu cá và một sổ hộ khẩu gia đình của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông T, bà L có vay của bà N số tiền 120.000.000 đồng, bà N cho rằng ông T, bà L đã trả cho bà N số tiền 40.000.000 đồng còn nợ lại 80.000.000 đồng nên bà N yêu cầu ông T, bà L trả 80.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Khi vay tiền ông T, bà L có thể chấp cho bà N một sổ hộ khẩu gia đình do ông Bông Minh T làm chủ hộ; một giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; 01 hợp đồng mua bán tàu cá nên buộc bà N trả các giấy tờ nêu trên cho ông T, bà L.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà Lê Thị Hạnh N được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí, bà N nộp tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng được nhận lại. Ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 469 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hạnh N. Buộc ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Hạnh N số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Lê Thị Hạnh N có nghĩa vụ trả cho ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L một sổ hộ khẩu gia đình số 120332356 do ông Bông Minh T làm chủ hộ; một giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 0017 cấp ngày 09 tháng 3 năm 2010, số đăng ký CM-99307-TS tên tàu Thiên Trang, chủ tàu Huỳnh Văn Tám; 01 hợp đồng mua bán tàu cá ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa ông Huỳnh Văn Tám, bà Phạm Thị Út Mười với ông Bông Minh T.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Hạnh N không phải chịu án phí, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0017647 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà N được nhận lại khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L có nghĩa vụ liên đới phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, bà Lê Thị Hạnh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bông Minh T và bà Hồng Kiều L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều